

Trong thị trường tài chính, rộng hơn là trong toàn nền kinh tế, Ngân hàng - ngành mang tính hệ thống và có sức lan tỏa mạnh mẽ nên nó cũng có một vị trí đặc biệt quan trọng. Vì thế, bên cạnh việc suy xét và tìm các giải pháp để ngăn ngừa, hạn chế rủi ro thì bài toán đặt ra cho các nhà quản lý ngân hàng chính là tạo điều kiện cần thiết cho sự phát triển của toàn hệ thống.

Thị trường Tài chính - Ngân hàng Việt Nam năm 2007

Thành tựu & những điều trăn trở

Năm 2007 được ghi nhận cùng với một sự kiện quan trọng - năm đầu tiên Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Sự thay đổi, sự tăng trưởng trên nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Việt Nam cho thấy WTO thực sự có tác động rất tích cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung, thị trường Tài chính - Ngân hàng Việt Nam nói riêng. Có lẽ chưa bao giờ thế giới quan tâm đến Việt Nam trong vấn đề làm ăn kinh tế đến như vậy, nhiều doanh nghiệp, nhiều tập đoàn kinh tế đã và đang hướng tới thị trường Việt Nam, ngày càng mong muốn được tham gia vào thị trường Việt Nam. “Việc trở thành thành viên của WTO đã giúp Việt Nam ngày càng nổi bật trên bản đồ thu hút đầu tư thế giới” (Ông Jean Pierre

Achouche, Phó Chủ tịch Phòng Thương mại châu Âu). Trong bài viết này, người viết muốn chuyển tải những vấn đề nổi cộm nhất về thị trường tài chính và đặc biệt quan tâm đến hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam để thấy được mức độ hội nhập ngày càng sâu hơn, rộng hơn của Việt Nam vào thị trường thế giới dưới góc độ Tài chính - Ngân hàng.

Những tác động được ghi nhận:

Có thể nói việc gia nhập WTO đã tác động đến nền kinh tế Việt Nam, đến thị trường Tài chính - Ngân hàng Việt Nam theo nhiều hướng khác nhau: Tác động thông qua việc nhập khẩu những cơ chế quản lý tài chính tốt nhất với hàng trăm năm kinh nghiệm làm ăn trong kinh tế thị trường,

nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng những công cụ quản trị tiên tiến, tác động thông qua sự chuyển giao công nghệ, sự chuyển dịch lao động có tay nghề cao,... Song có lẽ hướng tác động tích cực nhất, tác động đáng được ghi nhận nhất, đó là tác động vào sự vận động. Chính hội

nhập, chính sự xuất hiện của các nhân tố nước ngoài đã tạo nên thế cạnh tranh không cân sức giữa các tổ chức tài chính, các ngân hàng trong nước với các tổ chức tài chính, các ngân hàng nước ngoài, đưa các tổ chức tài chính, các ngân hàng trong nước vào tình thế nếu cứ ngồi yên thì sẽ chết và thế là tất cả phải vận động, vận động không ngừng, vận động không phải chỉ để tồn tại mà vận động còn để phát triển trong thế cạnh tranh cực kỳ cam go mới. Chính sự vận động tích cực đó đã tạo nên những dấu ấn kỳ tích trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

Đầu tư nước ngoài

Tốc độ đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam mạnh nhất. Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trong tháng 12 năm 2007, có thêm 162 dự án mới vào Việt Nam với tổng vốn đầu tư 4,45 tỷ USD, đưa nguồn vốn cấp mới trong năm lên 17,85 tỷ USD. Lượng vốn các dự án hiện hữu đăng ký thêm trong năm cũng đạt 2,4 tỷ USD. Như vậy, với gần 20,3 tỷ USD thu hút được, FDI năm 2007 tăng tới 67,93% so với năm 2006 và vượt 53% kế hoạch cả năm (dự kiến 13 tỷ USD).



Năm 2007- năm đột phá về đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Theo số liệu thống kê của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (báo Đầu tư CK số 104) thì tổng giá trị danh mục đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán (TTCK) chính thức và không chính thức đến giữa tháng 12 năm 2007 là gần 20 tỷ USD (2,3 tỷ USD), gấp gần 10 lần so với cùng chỉ tiêu này tính vào thời điểm cuối năm 2006 (trong đó 7,6 tỷ USD trên thị trường chính thức). Nếu như trước đây nguồn vốn này gần như bị lãng quên và khi nói đến đầu tư nước ngoài hầu như ta chỉ nói đến đầu tư trực tiếp, thì năm 2007, với con số thống kê trên, quan hệ so sánh này thực sự thay đổi, vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam cao hơn hẳn so với đầu tư trực tiếp. Một điều đáng để chúng ta quan tâm là sự góp mặt của rất nhiều nhà đầu tư cá nhân từ nước ngoài vào TTCK Việt Nam. Họ đến từ nhiều quốc gia trên thế giới: Đài Loan, Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản... trong đó không ít người đi du lịch sang Việt Nam để đầu tư chứng khoán. Nhiều công ty chứng khoán như SSI, BVSC, ACBS... phải thành lập tổ nhân viên môi giới và tư vấn cho đối tượng khách hàng này. Qua đó cho thấy TTCK Việt Nam có sức thu hút không nhỏ.

Đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam - bước chuyển đáng ghi nhận. Trong 20 năm thực hiện Luật đầu tư nước ngoài (nay là Luật đầu tư), các doanh nghiệp Việt Nam đã có 249 dự án đầu tư ra nước ngoài với tổng số vốn đăng ký là 1,39 tỷ USD, thực hiện tại 35 quốc gia. Trong đó riêng năm 2007, tổng số vốn đăng ký là 400 triệu USD, chiếm gần 30% tổng số vốn trong 20 năm, gấp 3 lần so với năm 2006. Đây cũng là một xu hướng tích cực.

Thị trường chứng khoán:

Mặc dù tính đến thời điểm cuối năm 2007, trên cả 2 sàn giao dịch TP. Hồ Chí Minh (HOSE) và Hà Nội (HaSTC), chỉ số giao dịch đều giảm và

tác động khá mạnh đến tâm lý các nhà đầu tư, song điều đó không có nghĩa TTCK năm 2007 là không thành công. Theo TS. Trần Đắc Sinh, Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh thì nếu xét về tổng thể thị trường vẫn phát triển tốt trên mọi mặt. Số lượng loại cổ phiếu được niêm yết mới trên TTCK tăng 30% so với năm 2007. Số lượng tài khoản cũng tăng lên, nếu năm 2006 là 200.000 tài khoản thì năm 2007 con số này là 300.000, tăng 50%. Kể cả chỉ số VN-index chỉ đạt 927,02 điểm vào ngày 28/12/2007 - ngày giao dịch cuối cùng của năm 2007, làm các nhà đầu tư lo lắng, nhưng nếu so với phiên giao dịch đầu tiên của năm 2007 (VN-index là 741,27), chỉ số giao dịch cuối năm 2007 vẫn rất sáng sủa (tăng khoảng 25%). Giá trị vốn hóa thị trường tại HOSE đạt gần 370.000 tỷ VND, tương đương 23 tỷ USD, tại HaSTC vào khoảng 128.500 tỷ VND tương đương 8 tỷ USD. Quy mô thị trường tăng trưởng mạnh, vì thế nếu vào thời điểm cuối năm 2006, TTCK Việt Nam đạt 17% GDP, thì đến cuối năm 2007, với tổng giá trị vốn hóa toàn thị trường khoảng 700.000 tỷ VND nên TTCK đã đạt trên 40% GDP, vượt 25-30% GDP mà Thủ tướng đặt ra trong chiến lược phát triển TTCK đến năm 2010. Bên cạnh sự tăng trưởng về quy mô thị trường, vốn mà các doanh nghiệp niêm yết đã huy động được trong năm 2007 cũng đạt con số đáng kể: trên 90.000 tỷ VND. Qua đó cho thấy, huy động vốn qua hệ thống ngân hàng không còn là kênh dẫn vốn gần như duy nhất mà TTCK Việt Nam cũng đang dần chiếm một vị trí quan trọng, kết quả hoạt động năm 2007 đã thực sự giúp nó xác lập vị thế là một kênh dẫn vốn không thể thiếu trong nền kinh tế.

Hoạt động ngân hàng:

Cùng với sự chuyển động chung của nền kinh tế, ngành Ngân hàng cũng tích cực, chủ

động triển khai các giải pháp và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trọng tâm của ngành năm 2007.

Những kết quả đạt được trong điều hành chính sách tiền tệ:

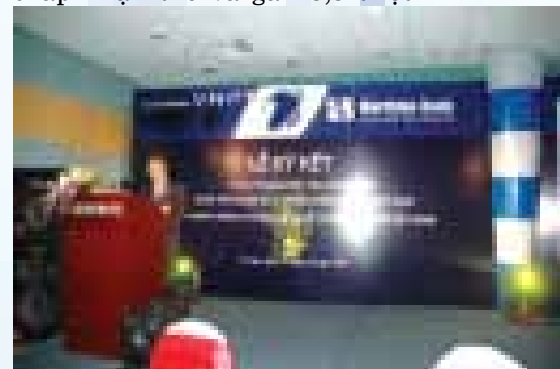
- Thực hiện các biện pháp về tiền tệ, tỷ giá, can thiệp mua ngoại tệ... nhằm tăng dự trữ ngoại tệ, kiểm soát lượng tiền cung ứng theo chỉ tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đáp ứng có hiệu quả nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế, đồng thời kiểm soát chặt chẽ quy mô và chất lượng tín dụng. Tổng dư nợ cho vay toàn hệ thống tính đến 31/12/2007 tăng khoảng 37,8% so với năm 2006, vượt khoảng 17% so với chỉ tiêu kế hoạch. Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống còn 2%.

- Tăng cường và đổi mới công tác thanh tra, giám sát ngân hàng nhằm tuân thủ pháp luật và ngăn ngừa các hành vi tái phạm. Xây dựng và hoàn thành đề án cải cách tổ chức và hoạt động thanh tra.

- Tiếp tục củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD), tạo điều kiện thuận lợi cho các TCTD hoạt động thông qua việc cổ phần hóa, chỉ đạo, xét duyệt các phương án tăng vốn, ban hành quy chế cấp giấy phép thành lập ngân hàng thương mại (NHTM) cổ phần, xem xét và cấp giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài..

- Triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để thực hiện hiện đại hóa ngân hàng và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2. Dịch vụ thanh toán thẻ ATM hiện đã có sự góp mặt của 25 ngân hàng với khoảng 4.300 máy ATM, 23.000 điểm chấp nhận thẻ và gần 8,3 triệu



thẻ được phát hành. Đề án xây dựng trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất đã được phê duyệt và sẽ triển khai thực hiện từ đầu năm 2008. Vừa qua, 2 liên minh thẻ lớn nhất là Banknet (với 2.654 ATM, 10.548 POS và 5,17 triệu thẻ) và Smartlink (với 2.056 ATM, 17.502 POS và 4,7 triệu thẻ lưu hành) đã ký thỏa thuận kết nối mạng lưới thanh toán thống nhất trên toàn quốc.

- Hoạt động thông tin tin dụng năm 2007 cũng phát triển khá mạnh. Các sản phẩm, dịch vụ của CIC đã trở thành kênh thông tin tin cậy, góp phần hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và giúp các TCTD phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, góp phần đảm bảo an toàn cho hệ thống Ngân hàng Việt Nam. Đây cũng là nhân tố góp phần nâng chỉ số tiếp cận tín dụng năm 2007 của Việt Nam lên 32 bậc.

- Dịch vụ ngân hàng ngày càng được hoàn thiện cả về quy mô, về chất lượng và mức độ đa dạng. Áp lực cạnh tranh và những đòi hỏi mới của quá trình hội nhập đã thúc đẩy các NHTM thực hiện việc cải tổ, đổi mới toàn diện các hoạt động ngân hàng. Các dịch vụ ngân hàng cổ điển được cải tiến, nâng cấp, các dịch vụ ngân hàng hiện đại được phát triển và mở rộng. Vài năm trước, nếu nói đến ATM, đến Homebanking, Internet banking, Mobilbanking... còn làm người nghe nghe ngàng, thì nay nó đang dần dần trở thành hiện thực và gần gũi hơn với dân chúng. Các dịch vụ ngân hàng cung ứng cho xã hội ngày càng mới mẻ, đa dạng, phong phú và mang lại tiện ích nhiều hơn cho khách hàng. Có thể xem những đổi mới về dịch vụ ngân hàng là bề mặt nổi trội hơn cả và chính nó phản ánh rõ nhất những thay đổi tích cực trong mọi hoạt động của toàn hệ thống ngân hàng.

Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng:

Trong suốt quá trình chỉ đạo và điều hành, NHNN luôn gắn kết việc thực hiện hoạt động chuyên môn với vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế. Các văn bản pháp

luật được rà soát, sửa đổi cho phù hợp với cam kết, xây dựng chương trình hành động giai đoạn 2007 - 2012 với các nhiệm vụ và lộ trình thực hiện cụ thể, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng nghị định hướng dẫn thực hiện các cam kết về đầu tư, đàm phán, ký kết các chương trình, dự án vay vốn của WB, ADB..., mở rộng quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, thực hiện tốt vai trò là đại diện của Chính phủ tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như IMF, WB, ADB... Luôn chú ý đến việc tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ ngành Ngân hàng để đáp ứng những yêu cầu mới trong quá trình hội nhập. Có thể nói, hội nhập mang đến cho hoạt động ngân hàng nhiều cơ hội mới nhưng cũng không ít thách thức. Một năm qua, dù thời gian rất ngắn, chưa có thể khẳng định được điều gì cho thật chắc chắn, song rõ ràng ngành Ngân hàng đã và đang tự khẳng định, tự vươn lên.

Những vấn đề nổi cộm trong hoạt động ngân hàng:

Cũng như các lĩnh vực hoạt động khác, bên cạnh những kết quả, những thành tựu đáng ghi nhận, hoạt động ngân hàng trong

giả không đi sâu phân tích cụ thể, chỉ tiết những mặt hạn chế này mà muốn luận bàn tới những vấn đề mà theo tác giả đó là những vấn đề nổi cộm, cần chú ý trong hoạt động ngân hàng.

Thứ nhất, sự tăng trưởng nhanh chóng của vốn điều lệ của các NHTM.

Tất nhiên, ai cũng biết tăng vốn điều lệ cho các NHTM là một đòi hỏi tất yếu vì năng lực tài chính của các NHTM nước ta thực sự là quá nhỏ bé, nếu đặt nó trong yêu cầu để cạnh tranh, để tồn tại, để cùng chia sẻ thị trường với các ngân hàng nước ngoài thì vấn đề lại càng trở nên gay gắt. Với các NHTM, việc tăng vốn trở thành lẽ đương nhiên. Tiến độ tăng vốn cũng được pháp quy hóa bằng văn bản của NHNN, trong đó năm 2008, vốn điều lệ của các NHTM cổ phần phải đạt 3.000 tỷ VND, đến năm 2010, con số này sẽ là 10.000 tỷ VND. Như vậy, theo yêu cầu của NHNN, chỉ sau 2 năm, đến năm 2010, vốn điều lệ của các NHTM cổ phần Việt Nam phải tăng lên và gấp 3 lần so với năm 2008. Để thực hiện được yêu cầu này, các NHTM cổ phần thực sự đã “vắt chân lên cổ mà chạy”. Và trên thực tế tốc độ tăng vốn thực của các NHTM cổ phần còn đáng kinh ngạc hơn nhiều.

Vốn điều lệ của 10 NHTM cổ phần

(Đơn vị: tỷ VND)

STT	NHTMCP	VDL 2005	VDL 2006	(4) / (3)	VDL 2007	(6) / (3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nhà HN	300	1000	3,3	2000	6,6
2	Đông á	500	880	1,76	1600	3,2
3	Techcombank	617	1500	2,4	2700	4,3
4	Quân đội	450	1045	2,3	2000	4,4
5	Quốc tế	510	1000	1,9	2500	4,9
6	HDBank	300	500	1,6	1000	3,3
7	Giadinhbank	80	210	2,6	500	6,2
8	Viet A bank	250	500	2,0	1000	4,0
9	Sacombank	1250	2089	1,6	4450	3,5
10	Phương nam	280	1290	4,6	1434	5,1

Nguồn: Báo cáo tài chính và một số trang web

năm 2007 cũng còn những điểm cần lưu ý trong điều hành chính sách tiền tệ, trong thanh tra giám sát, trong chỉ đạo hoạt động tín dụng, trong cơ cấu, sắp xếp lại các tổ chức tín dụng... Tuy nhiên trong giới hạn bài viết này, tác

Bảng số liệu tổng hợp trên cho thấy thực tế các NHTM cổ phần không chỉ sẽ đảm bảo tiến độ mà NHNN yêu cầu mà còn vượt với tốc độ tăng vốn giữa các kỳ rất cao, thậm chí chỉ trong một năm vốn đã được nhân lên gấp

3 lần, 4 lần. Sau 2 năm (từ 2005 đến 2007) tốc độ tăng không phải là 3 lần như yêu cầu của NHNN mà 6 lần, 7 lần và có những ngân hàng cao hơn nữa, đặc biệt đáng chú ý là một số NHTM cổ phần nông thôn nâng cấp thành NHTM cổ phần đô thị (Nam Việt, Kiên Long, Đại Dương, Việt Nam Thương Tín...). Tốc độ tăng vốn điều lệ của các NHTM cổ phần cho thấy vốn trong dân còn rất tiềm tàng và cũng phải khẳng định rằng đây là một biểu hiện của sự thay đổi rất tích cực để khắc phục một trong những hạn chế chủ yếu của các NHTM Việt

Nam chính là sự yếu kém về năng lực tài chính.

Thứ hai, sự phát triển mạnh mẽ của mạng lưới các chi nhánh ngân hàng. Cùng với sự tăng tốc về vốn điều lệ, lẽ dĩ nhiên phải là việc mở rộng, p h á t triển

các chi nhánh. Danh sách đầu bảng là các NHTM Nhà nước. Ngân hàng có mạng lưới lớn nhất là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank) với khoảng 500 phòng giao dịch và 1500 chi nhánh trên toàn quốc. Đứng kế tiếp là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), đến tháng 9 năm 2007 có 104 chi nhánh cấp 1 và sở giao dịch khắp cả nước cùng với hàng trăm phòng giao dịch. Ngân hàng Công thương Việt Nam cũng có trên 100 chi nhánh và trên 700 điểm giao dịch... Bên cạnh đó là sự “mọc lên như nấm” của các chi nhánh, phòng giao dịch của các NHTM cổ phần. Dẫn đầu là Sacombank với gần 190 chi nhánh, so với thời điểm cuối năm 2005 thì 2 năm sau, năm 2007, số lượng chi nhánh tăng gấp gần 2 lần. Tiếp theo là Techcombank (109 chi nhánh), là ACB (gần 100 chi nhánh)... Sự phát triển chi nhánh của Eximbank cũng góp phần đáng kể: với 15 chi nhánh vào cuối năm 2005, thì đến tháng 7 năm 2007 số lượng chi nhánh đã tăng lên và gấp hơn 2 lần (42 chi nhánh). Tại TP. Hồ Chí Minh, nếu chia bình quân thì mỗi phường xã sẽ có trên 1 chi nhánh, hoặc phòng giao dịch... Sự phát triển mạng lưới chi nhánh là động thái tích cực để mở rộng thị phần, chiếm lĩnh thị trường và cũng nhờ đó mà người dân Việt Nam ngày càng dễ dàng hơn, thuận lợi hơn trong việc sử dụng các tiện ích do các ngân hàng mang lại, góp phần nâng cao dân trí.

Thứ ba, sự bức xúc về nhu cầu và sự di chuyển nguồn nhân lực: Đó là kết quả tất yếu của việc tăng vốn, mở thêm nhiều chi nhánh ở các ngân hàng, sự ra đời một loạt các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ,... trong khi nhân lực thực sự cho ngành Tài chính - Ngân hàng chỉ có giới hạn. Chỉ riêng quý 2 năm 2007, theo kết quả đánh giá chỉ số nhân lực của Công ty Tư vấn Navigos thì nhu cầu nguồn nhân lực chung của

ngành Tài chính - Ngân hàng tăng trên 1.300 người, trong đó ngành Ngân hàng chiếm tỷ lệ tăng 57%, còn lại Kế toán, Tài chính 42%. Trong năm 2007, đợt tuyển dụng nhân lực cho Kho bạc của Bộ Tài chính có 920 chỉ tiêu nhưng chỉ có 620 người đăng ký dự tuyển, dù yêu cầu không cao: 65% cử nhân, 35% trình độ trung cấp song cầu vẫn không được đáp ứng... Với tốc độ tăng cầu vừa lớn về số lượng, vừa gấp về thời gian thì nguồn đáp ứng thực sự không thể nào theo kịp. Chính sự thiếu hụt so với nhu cầu cần tuyển dụng là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự di chuyển nguồn nhân lực. Bên cạnh đó thì nhu cầu về nguồn nhân lực cao cũng là một nguyên nhân rất cơ bản. Sự ra đời của các ngân hàng mới, các công ty chứng khoán mới, các công ty quản lý quỹ, các chi nhánh mới... thực sự không đơn giản khi nói đến vấn đề con người, đặc biệt là những vị trí như lãnh đạo, cố vấn cao cấp, chuyên gia... Trong cơ chế thị trường, mỗi đơn vị mới khi ra đời đều phải cân nhắc về sự tồn tại và phát triển, rõ ràng điều đó không thể thực hiện được nếu thiếu vắng vai trò của nguồn nhân lực cấp cao. Cho nên thời gian qua, đặc biệt là một năm qua ta có thể chứng kiến hầu hết vị trí lãnh đạo của những đơn vị mới là những người có kinh nghiệm làm việc, lãnh đạo lâu năm được kéo từ những đơn vị hiện hữu về. Trong tương lai, vấn đề này sẽ nan giải hơn nếu ta không kịp chuẩn bị các giải pháp đồng bộ. Theo Bộ trưởng Bộ Tài chính Vũ Văn Ninh thì dự kiến đến năm 2010, nhu cầu nhân lực của các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán, thẩm định giá khoảng 13.500 người. Trong đó lĩnh vực chứng khoán là 5.000 người, tăng lên khoảng 500% so với hiện nay, bảo hiểm là 3.000 người, tăng 18%, lĩnh vực kế toán kiểm toán 5.000 người, tăng khoảng 103%, thẩm định giá tăng 500 người, khoảng 20%. Nếu kể cả nhu cầu của ngân hàng với mạng lưới rộng khắp trong cả nước và tới tận phường xã thì con số trên vẫn là chưa đáng kể.

Trần trở và những lưu ý cần thiết:

Thứ nhất, “vượt dốc” ngoạn mục dễ dẫn đến vượt rào. Vốn tăng nhanh chóng, chi nhánh mới thành lập lại rất nhiều, dĩ nhiên là phải tìm cách để tạo nguồn huy động, phải tìm cách mở rộng tín dụng. Thị phần cũng chỉ có giới hạn, không thể tăng một sớm, một chiều, cho nên đã dẫn đến cuộc cạnh tranh nâng lãi suất huy động, hạ điều kiện vay vốn... Trong hoàn cảnh đó rủi ro phát sinh và tiềm ẩn là điều không thể tránh khỏi.

Thứ hai, sự chấp vá về nguồn nhân lực. Như phân tích ở trên, sự mất cân đối giữa cung và cầu nguồn nhân lực Tài chính - Ngân hàng đã buộc các NHTM phải cố bằng mọi cách lôi kéo, mời chào thậm chí phải chấp nhận những nhân sự không đủ tiêu chuẩn. Trên thực tế có nhiều nhân sự từ chỗ là nhân viên rất bình thường, xử lý các công việc chuyên môn, hàng ngày có khi cũng còn lúng túng nhưng vẫn được cất nhắc đến một đơn vị mới làm lãnh đạo, cũng chẳng cần phải đào tạo, chẳng cần qua một lớp quản lý nào cả. Rủi ro tiềm ẩn cũng là lẽ đương nhiên.

Thứ ba, khả năng quản trị, phòng ngừa rủi ro không xứng tầm với quy mô của ngân hàng. Nhiều ngân hàng lúc đầu chỉ có một số vốn vài chục tỷ, rất ít người biết đến, nhưng chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn “bông đưng” trở thành những ngân hàng có vốn lên tới hàng ngàn tỷ đồng. Các nhà quản trị cũng trong hoàn cảnh đó, từ chỗ chỉ có trong tay vài chục tỷ, chỉ tính toán cho việc sinh lợi của vài chục tỷ, bây giờ phải quản lý hàng ngàn tỷ - công việc không chỉ không dễ dàng mà còn rất nguy hiểm. Tất nhiên không phải ai cũng thế, không phải ngân hàng nào cũng trong hoàn cảnh đó, song tình trạng này không phải ít và việc giống nên hỏi coi báo động là thực sự cần thiết.

Thứ tư, khả năng kiểm soát của các cấp quản lý. Sự lo lắng không phải chỉ trong phạm vi của một ngân hàng mà của toàn hệ thống. Quy mô các ngân hàng

ngày càng lớn, mạng lưới ngày càng dày, dịch vụ ngân hàng ngày càng hiện đại... thì rủi ro tiềm ẩn càng nhiều và vì thế vai trò của các nhà quản lý, các cấp quản lý càng cao. Vấn đề định hướng cho các ngân hàng, thanh tra kiểm soát giúp các ngân hàng phòng ngừa trước rủi ro, hỗ trợ cho các ngân hàng giải quyết các vấn đề mới phát sinh... tất cả những vấn đề nêu trên đều đặt ra những đòi hỏi mới cho các cấp quản lý. Rõ ràng, đòi hỏi về tầm nhìn, về khả năng bao quát, khả năng kiểm soát và độ nhạy bén của các cấp quản lý không còn giống như cách đây chỉ vài năm.

Trong thị trường tài chính, rộng hơn là trong toàn nền kinh tế, Ngân hàng - ngành mang tính hệ thống và có sức lan tỏa mạnh mẽ nên nó cũng có một vị trí đặc biệt quan trọng. Vì thế, bên cạnh việc suy xét và tìm các giải pháp để ngăn ngừa, hạn chế rủi ro thì bài toán đặt ra cho các nhà quản lý ngân hàng chính là tạo điều kiện cần thiết cho sự phát triển của toàn hệ thống. Không ai có thể phủ nhận ý nghĩa thiết thực của việc tăng vốn và mở thêm nhiều chi nhánh ở các ngân hàng, song rất nhiều vấn đề đi kèm với nó, thậm chí như “hình với bóng”, mà không thể bỏ qua như vấn đề quản trị, vấn đề an toàn tín dụng, an toàn kho quỹ... Đặc biệt là đội ngũ nhân sự, một đội ngũ nhân sự thực thụ để có thể đảm đương được nhiệm vụ mở rộng và phát triển thị trường, xây dựng và phát triển thương hiệu của ngân hàng, hoàn toàn không đơn giản. Với những lý do đó, người viết muốn lưu ý một số vấn đề:

- Hiệu quả phải được đặt lên hàng đầu khi xem xét thành lập một ngân hàng mới hoặc mở thêm một chi nhánh mới.
- Muốn tồn tại trong cạnh tranh, vấn đề không chỉ dừng ở quy mô ngân hàng mà chính là thương hiệu của mỗi ngân hàng.

- Con người vẫn luôn là yếu tố số một trong một tổ chức, vì thế chiến lược về nguồn nhân sự phải được quan tâm hàng đầu, mà trong đó lương, thưởng chỉ là yếu tố ban đầu, yếu tố quan trọng và lâu dài chính là môi trường làm việc, là cơ hội học tập, thăng tiến.

- Các nguyên tắc về quản trị rủi ro trong kinh doanh luôn phải được xem trọng và tuân thủ.

- Sáp nhập, liên doanh, liên kết là một giải pháp đáng suy nghĩ.

- Với các doanh nghiệp, nếu không hoạt động được thì phá sản, song sự phá sản của một ngân hàng lại là rủi ro có thể lan truyền toàn hệ thống và có thể dẫn khủng hoảng kinh tế. Vì vậy tính hệ thống trong hoạt động ngân hàng luôn luôn phải được coi trọng.

Tham khảo:

Báo cáo tổng kết của NHNN
Báo cáo tổng kết của một số NHTM

- Website Chính phủ
- Website VTV
- Vnexpress.net
- www1.thanh.nien.com.vn
- www.vntrades.com
- www.tiasang.com.vn

